

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 -7-2021

V/v: Ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Xuân Trường.

Ông Vũ Hùng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuất - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 55/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; nơi cư trú: Xóm 9, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Bùi Anh H, sinh năm 1988; nơi cư trú: Xóm 9, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Anh H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, đã được UBND xã A cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04- 12- 2018. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân tính tình vợ chồng không hợp lên dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2019. Nay chị xác định không còn

tình cảm với anh H, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh Bùi Anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thanh Th, sinh ngày 25-11-2018. Hiện nay cháu Th đang ở với bố. Ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và lời khai khác tại Tòa án, bị đơn là Bùi Anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với chị L về thời gian và điều kiện kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị L làm đơn xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không nhưng mong muốn đoàn tụ, còn chị L cương quyết xin ly hôn thì anh nhất trí ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Thanh Th, sinh ngày 25-11-2018. Hiện nay cháu Th đang ở với anh. Ly hôn anh nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã A, huyện B; Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, nuôi con chung như chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Anh H trình bày là đúng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Anh H. Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao con Bùi Thanh Th cho chị L trực tiếp nuôi con dưỡng, chấp nhận nguyện vọng của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Bùi Anh H được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự đủ cơ sở xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Anh H kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị Linh và anh H không có hạnh phúc, chị L và anh H đều xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân trong thời gian dài nên mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy,

đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Bùi Anh H, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng của của chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Anh H có 01 con chung chưa thành niên là Bùi Thanh Th, sinh ngày 25-11-2018. Hiện cháu Bùi Thanh Th chưa đủ 3 tuổi, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, chị L có đủ điều kiện nuôi con. Vì vậy, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; đủ cơ sở giao con cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con; chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Anh H.

2. Về việc nuôi con chung chưa thành niên: Căn cứ các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi con Bùi Thanh Th, sinh ngày 25-11-2018. Anh Bùi Anh H có trách nhiệm giao con chung Bùi Thanh Th cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L nhưng có quyền chăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0003988 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trong trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã A: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

Vũ Ngọc Duyên